

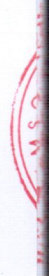
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT
Số 17, Ngõ 12, Phố Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Trãi, Quận 5, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Báo cáo tài chính hợp nhất
Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất
Báo cáo tài chính hợp nhất
Báo cáo tài chính hợp nhất
Báo cáo tài chính hợp nhất

ã

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính hợp nhất	6 – 31
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt (tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp An Hưng) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0104659943 ngày 19 tháng 5 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm:

- Nuôi trồng, kinh doanh thủy sản;
- Thi công công trình xây dựng;
- Chăm sóc cây xanh;
- Kinh doanh cà phê hạt khô.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2016
Ông Phạm Trường Lâm	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2016
Ông Triệu Văn Hợi	Ủy viên	
Ông Hoàng Quốc Anh	Ủy viên	
Ông Nguyễn Công Hoàng	Ủy viên	
Ông Phạm Đức Hoàn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2016
Ông Trịnh Xuân Minh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2016

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Giám đốc	
Ông Nguyễn Huy Hoàng	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 01 năm 2017
Ông Nguyễn Đồng Minh	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2017

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc





Số: 100./2017/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt được lập ngày 15 tháng 3 năm 2017, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại thuyết minh số V.08, giá trị quyền sử dụng đất của các cổ đông góp vốn vào các Công ty con là 5.000.000.000 đồng (trong đó vốn góp vào Công ty Cổ phần thực phẩm Bắc Việt Yên Châu là 500.000.000 đồng, vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Nguyên là 4.500.000.000 đồng), đến thời điểm này các Công ty con chưa hoàn thiện xong thủ tục chuyển quyền sở hữu giá trị quyền sử dụng đất sang tên của các Công ty này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất của Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 25 tháng 3 năm 2016.

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt
Phó Giám đốc**

Kiểm toán viên



Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

Trần Thị Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2014-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		61.873.860.305	65.899.048.237
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.790.330.128	467.667.930
1.	Tiền	111	V.01	1.790.330.128	467.667.930
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.770.932.857	54.016.899.283
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	19.524.282.816	45.289.945.828
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		60.400.000	80.000.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	9.472.320.000	6.400.000.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	22.713.930.041	2.246.953.455
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	8.271.685.365	11.325.095.998
1.	Hàng tồn kho	141		8.271.685.365	11.325.095.998
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		40.911.955	89.385.026
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	862.500	73.320.908
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		40.049.455	16.064.118
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HUNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29.759.578.686	30.250.827.597
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
II.	Tài sản cố định	220		29.615.777.121	25.623.075.036
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	24.656.050.872	25.123.075.036
	- Nguyên giá	222		27.707.412.136	27.102.866.681
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.051.361.264)	(1.979.791.645)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	4.959.726.249	500.000.000
	- Nguyên giá	228		5.000.000.000	500.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(40.273.751)	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	-	4.612.100.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	4.612.100.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		143.801.565	15.652.561
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	143.801.565	15.652.561
6.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		91.633.438.991	96.149.875.834

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

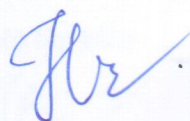
Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

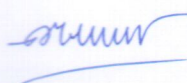
STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		13.947.683.719	29.081.811.862
I.	Nợ ngắn hạn	310		13.596.023.719	29.081.811.862
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	8.730.688.070	25.920.524.820
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	150.000.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.130.998.020	2.456.298.532
4.	Phải trả người lao động	314		84.288.636	34.320.000
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	112.208.993	520.668.510
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	3.537.840.000	-
II.	Nợ dài hạn	330		351.660.000	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	351.660.000	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		77.685.755.272	67.068.063.972
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	77.685.755.272	67.068.063.972
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.500.000.000	56.500.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.500.000.000	56.500.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		(106.363.636)	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.492.992.941	8.049.976.837
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		8.049.976.837	141.188.980
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này	421b		1.443.016.104	7.908.787.857
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11.799.125.967	2.518.087.135
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		91.633.438.991	96.149.875.834

Người lập biểu



Nguyễn Thị Huyền Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Đông Minh

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2017

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

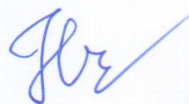
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	27.716.622.238	173.495.938.946
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		27.716.622.238	173.495.938.946
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	24.692.653.837	164.659.078.694
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.023.968.401	8.836.860.252
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	930.357.551	553.446
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	107.593.118	-
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		107.593.118	-
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	11.009.150	27.869.727
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	1.245.936.556	1.099.360.645
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.589.787.128	7.710.183.326
12.	Thu nhập khác	31	VI.05	-	1.674.792.252
13.	Chi phí khác	32	VI.06	509.495.664	33.174.471
14.	Lợi nhuận khác	40		(509.495.664)	1.641.617.781
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.080.291.464	9.351.801.107
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	365.785.057	924.926.115
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.714.506.407	8.426.874.992
19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		271.490.303	518.087.135
20.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		1.443.016.104	7.908.787.857
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	255	1.573
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	255	1.573

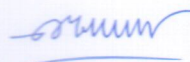
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thị Huyền Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Đồng Minh

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		56.133.714.042	48.419.840.099
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(36.637.535.904)	(47.149.443.196)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.141.793.738)	(1.795.937.316)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(107.593.118)	(1.397.255.358)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(500.999.495)	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		279.944.156	2.498.402.844
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(21.669.785.182)	(3.143.901.112)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.644.049.239)	(2.568.294.039)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(604.545.455)	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	8.717.836.993
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11.220.000.000)	(27.400.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.147.680.000	21.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(4.112.100.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		754.076.892	553.446
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.077.211.437	(1.793.709.561)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

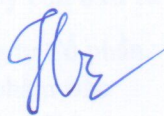
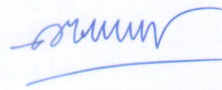
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	4.000.000.000
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		5.881.460.000	404.000.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.991.960.000)	(404.000.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.889.500.000	4.000.000.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.322.662.198	(362.003.600)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		467.667.930	829.671.530
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		1.790.330.128	467.667.930

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Nguyễn Thị Huyền Trang

Nguyễn Đông Minh

Nguyễn Ngọc Sơn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và thương mại.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm:

- Nuôi trồng, kinh doanh thủy sản;
- Thi công công trình xây dựng;
- Chăm sóc cây xanh;
- Kinh doanh cà phê hạt khô.

04. Chu năm sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2016	Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2016	Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ tại ngày 01/01/2016
Công ty con đầu tư trực tiếp				
1. Công ty Cổ phần Thực phẩm Bắc Việt Yên Châu	Thôn Thanh Yên II, xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	90,00%	90,00%	90,00%
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Nguyên	Thôn 2, xã Nga Mỹ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá	59,09%	59,09%	34%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và áp dụng thông tư 202/2014/TT0BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 27 năm
- Máy móc, thiết bị	08 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	08 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh hợp nhất (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Theo quy định tại khoản 01 điều 20, và khoản 01 điều 19 thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty Cổ phần Thực phẩm Bắc Việt Yên Châu (Công ty con) được miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất****a. Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:**

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

b. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:**Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:**

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối năm, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong năm.

c. Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ

Các khoản thu nhập khác, chi phí khác, lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của TSCĐ (nguyên giá, hao mòn lũy kế) phải được điều chỉnh lại như thể không phát sinh giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.758.613.515	427.989.717
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.716.613	39.678.213
Cộng	1.790.330.128	467.667.930

02. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	4.612.100.000	4.612.100.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Nguyên	-	-	-	4.612.100.000	4.612.100.000	-
Cộng	-	-	-	4.612.100.000	4.612.100.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn	19.524.282.816	45.289.945.828
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Nguyên	-	2.883.680.000
- Ông Nguyễn Mạnh Cường	-	1.664.529.007
- Công ty TNHH Nông Lâm Sản Mai Châu	-	15.222.642.800
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sao Xanh	7.422.584.500	15.812.584.500
- Bà Trần Thị Huyền	-	3.415.800.000
- Ông Nguyễn Văn Nghĩa	-	4.216.607.815
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư AFX	5.382.090.000	186.000.000
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu Nông sản phía Nam	3.444.029.400	-
- Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Sao Xanh	2.720.152.000	-
- Phải thu các khách hàng ngắn hạn khác	555.426.916	1.888.101.706
Cộng	19.524.282.816	45.289.945.828

04. Phải thu về cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	9.472.320.000	-	6.400.000.000	-
- Ông Mai Văn Hạnh	-	-	3.400.000.000	-
- Ông Nguyễn Văn Hoà	-	-	3.000.000.000	-
- Ông Hoàng Thế Quân ^(a)	6.067.000.000	-	-	-
- Ông Mai Văn Thiện ^(b)	2.055.320.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Quý Toàn ^(c)	1.350.000.000	-	-	-
Cộng	9.472.320.000	-	6.400.000.000	-

^(a) Khoản cho vay Ông Hoàng Thế Quân theo hợp đồng nguyên tắc tín dụng số 001/2016/HĐNTTD-NNX ngày 31 tháng 3 năm 2016 với thời hạn vay 12 tháng; lãi suất 9%/năm.

^(b) Khoản cho vay theo hợp đồng tín dụng số 001/2015/HĐNTTD-HN giữa ông Mai Văn Thiện và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Nguyên (Công ty con) ngày 01 tháng 12 năm 2015 với thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 9%/năm. Khoản vay này được gia hạn theo phụ lục hợp đồng số 011216/PLGH-HN ngày 01 tháng 12 năm 2016.

^(c) Khoản cho Ông Nguyễn Quý Toàn vay theo hợp đồng số 001/2016/HĐNTTD-BVYC ngày 10 tháng 8 năm 2016, và phụ lục gia hạn hợp đồng số 151216/PLGH-BVYC ngày 15 tháng 12 năm 2016. Thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay 7,5%/năm.

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	22.713.930.041	-	2.246.953.455	-
- Tạm ứng	22.533.542.578	-	2.246.953.455	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	171.387.463	-	-	-
+ Lãi tiền cho vay phải thu	171.387.463	-	-	-
Cộng	22.713.930.041	-	2.246.953.455	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	238.725.315	-	105.163.618	-
- Công cụ, dụng cụ	12.000.000	-	-	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	220.322.755	-	219.932.380	-
- Hàng hoá	7.800.637.295	-	11.000.000.000	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	8.271.685.365	-	11.325.095.998	-

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình				
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>26.907.412.136</i>	<i>195.454.545</i>	<i>-</i>	<i>27.102.866.681</i>
- Mua trong năm	-	-	604.545.455	604.545.455
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>26.907.412.136</i>	<i>195.454.545</i>	<i>604.545.455</i>	<i>27.707.412.136</i>
Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.930.928.019</i>	<i>48.863.626</i>	<i>-</i>	<i>1.979.791.645</i>
- Khấu hao trong năm	1.033.921.358	17.496.746	20.151.515	1.071.569.619
- Phân loại lại	6.107.955	(6.107.955)	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>2.970.957.332</i>	<i>60.252.417</i>	<i>20.151.515</i>	<i>3.051.361.264</i>
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình				
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>24.976.484.117</i>	<i>146.590.919</i>	<i>-</i>	<i>25.123.075.036</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>23.936.454.804</i>	<i>135.202.128</i>	<i>584.393.940</i>	<i>24.656.050.872</i>

Một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là: 604.545.455 đồng và 584.393.940 đồng đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội.

08. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>500.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	4.500.000.000	4.500.000.000
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- Khấu hao trong năm	40.273.751	40.273.751
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>40.273.751</i>	<i>40.273.751</i>
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>500.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>4.959.726.249</i>	<i>4.959.726.249</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị quyền sử dụng đất của các cổ đông góp vốn vào các Công ty con là 5.000.000.000 đồng (trong đó vốn góp vào Công ty Cổ phần thực phẩm Bắc Việt Yên Châu là 500.000.000 đồng, vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Nguyên là 4.500.000.000 đồng), đến thời điểm này các Công ty con chưa hoàn thiện xong thủ tục chuyển quyền sở hữu giá trị quyền sử dụng đất sang tên của các Công ty này.

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	862.500	73.320.908
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng	862.500	73.320.908
b. Dài hạn	143.801.565	15.652.561
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng	143.801.565	15.652.561
Cộng	144.664.065	88.973.469

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	-	-	5.497.840.000	1.960.000.000	3.537.840.000	3.537.840.000
- Vay ngân hàng	-	-	5.401.960.000	1.960.000.000	3.441.960.000	3.441.960.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội ^(a)	-	-	5.401.960.000	1.960.000.000	3.441.960.000	3.441.960.000
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	95.880.000	-	95.880.000	95.880.000
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Hà Nội ^(b)	-	-	95.880.000	-	95.880.000	95.880.000
b. Vay dài hạn	-	-	479.500.000	127.840.000	351.660.000	351.660.000
- Vay ngân hàng	-	-	479.500.000	127.840.000	351.660.000	351.660.000
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Hà Nội ^(b)	-	-	479.500.000	127.840.000	351.660.000	351.660.000
Cộng	-	-	5.977.340.000	2.087.840.000	3.889.500.000	3.889.500.000

(a) Khoản vay ngân hàng TMCP Quân Đội theo hợp đồng cấp tín dụng số 29040.16.820.2784503.TD ngày 22/07/2016 để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất tại khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội của Ông Nguyễn Văn Hải (anh trai Ông Nguyễn Ngọc Sơn - Giám đốc Công ty). Lãi suất vay năm 2016 từ 7,5% đến 9%/năm.

(b) Khoản vay ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – CN Hà Nội theo hợp đồng cho vay số 186/2016/HĐTD/PVB ngày 25 tháng 8 năm 2016 để mua xe ô tô. Tài sản đảm bảo là ô tô Ford Ranger được mua từ vốn vay. Lãi suất vay năm 2016 là 8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	8.730.688.070	8.730.688.070	25.920.524.820	25.920.524.820
- Doanh nghiệp tư nhân Hồng Thắm	748.373.520	748.373.520	748.373.520	748.373.520
- Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn Đoàn	-	-	2.104.000.000	2.104.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Nguyễn	-	-	7.233.888.000	7.233.888.000
- Bà Vì Thị Hương	-	-	4.050.199.100	4.050.199.100
- Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái	1.752.200.000	1.752.200.000	-	-
- Công ty Cổ phần nông sản Nam Á	3.351.218.700	3.351.218.700	-	-
- Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	2.878.895.850	2.878.895.850	11.784.064.200	11.784.064.200
Cộng	8.730.688.070	8.730.688.070	25.920.524.820	25.920.524.820

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tăng khác(*)	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	1.531.372.417	119.164.827	1.312.861.332	-	-	337.675.912
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	924.926.115	365.785.057	500.999.495	3.610.431	-	793.322.108
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	11.000.000	11.000.000	-	-	-
Cộng	-	2.456.298.532	495.949.884	1.824.860.827	3.610.431	-	1.130.998.020

(*) Là khoản tăng do hợp nhất Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hưng Nguyễn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HUNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	112.208.993	520.668.510
- Kinh phí công đoàn	21.771.700	17.410.000
- Bảo hiểm xã hội	30.823.000	2.652.710
- Bảo hiểm y tế	6.002.674	419.400
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.371.000	186.400
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	51.240.619	500.000.000
Cộng	112.208.993	520.668.510

14. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000		4.141.188.980	-	54.141.188.980
Tăng vốn trong năm trước	2.500.000.000	-	-	2.000.000.000	4.500.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	7.908.787.857	518.087.135	8.426.874.992
Phân phối lợi nhuận trong năm trước tại Công ty mẹ	4.000.000.000	-	(4.000.000.000)	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	56.500.000.000	-	8.049.976.837	2.518.087.135	67.068.063.972
Số dư đầu năm nay					
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.443.016.104	271.490.303	1.714.506.407
Tăng khác	-	-	-	9.548.529	9.548.529
Giảm khác(*)	-	(106.363.636)	-	-	(106.363.636)
Số dư cuối năm nay	56.500.000.000	(106.363.636)	9.492.992.941	11.799.125.967	77.685.755.272

(*): Là chi phí liên quan đến việc tư vấn phát hành thêm cổ phiếu năm 2015.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
- Vốn góp của các đối tượng khác	56.500.000.000	100,00	56.500.000.000	100,00
Cộng	56.500.000.000	100,00	56.500.000.000	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	56.500.000.000	50.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	6.500.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	56.500.000.000	56.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.650.000	5.650.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.650.000	5.650.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.650.000	5.650.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.650.000	5.650.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.650.000	5.650.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	24.260.842.727	171.615.976.800
- Doanh thu bán thành phẩm	2.901.688.600	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	181.818.184	1.879.962.146
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	372.272.727	-
Cộng	<u>27.716.622.238</u>	<u>173.495.938.946</u>

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	22.232.039.005	163.286.763.095
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.102.404.649	-
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	66.675.002	1.372.315.599
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	291.535.181	-
Cộng	<u>24.692.653.837</u>	<u>164.659.078.694</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	925.464.355	553.446
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.893.196	-
Cộng	930.357.551	553.446

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	107.593.118	-
Cộng	107.593.118	-

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu thanh lý tài sản cố định	-	1.584.253.652
- Thu nhập khác	-	90.538.600
Cộng	-	1.674.792.252

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí khấu hao của tài sản cố định tạm ngừng sử dụng	429.291.269	-
- Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	58.076.439	-
- Các khoản phạt chậm nộp	22.127.039	33.174.471
- Các khoản khác	917	-
Cộng	509.495.664	33.174.471

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	1.245.936.556	1.099.360.645
- Chi phí nhân viên quản lý	909.975.319	681.099.400
- Chi phí vật liệu quản lý	57.563.096	11.477.274
- Chi phí đồ dùng văn phòng	7.916.812	16.166.545
- Chi phí khấu hao TSCĐ	60.425.266	-
- Thuế, phí và lệ phí	12.647.000	24.141.333
- Chi phí dự phòng	-	90.538.600
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	113.086.611	123.877.082
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	84.322.452	152.060.411
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	11.009.150	27.869.727
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.009.150	27.869.727
Cộng	1.256.945.706	1.127.230.372

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	365.785.057	610.623.070
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	365.785.057	610.623.070

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.443.016.104	7.908.787.857
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.443.016.104	7.908.787.857
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.650.000	5.026.806
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	255	1.573

^(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016.

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.443.016.104	7.908.787.857
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.443.016.104	7.908.787.857
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.650.000	5.026.806
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	255	1.573

^(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.473.317.311	162.376.719.889
- Chi phí nhân công	1.263.545.296	2.200.150.816
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	687.369.020	671.055.961
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	197.597.644	182.039.499
- Chi phí khác bằng tiền	96.002.986	356.342.901
Cộng	<u>3.717.832.257</u>	<u>165.786.309.066</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

02. Giao dịch với các bên liên quan*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>
Ông Nguyễn Ngọc Sơn – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc	
+ Tạm ứng	10.715.400.000
+ Hoàn ứng	8.017.200.815
Ông Phạm Đức Hoàn - Ủy viên Hội đồng quản trị	
+ Tạm ứng	355.121.000
+ Hoàn ứng	287.058.457

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Nguyễn Ngọc Sơn – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc	4.944.529.185	2.246.330.000
+ Tạm ứng	4.944.529.185	2.246.330.000
Ông Phạm Đức Hoàn - Ủy viên Hội đồng quản trị	68.062.543	-
+ Tạm ứng	68.062.543	-
Cộng nợ phải thu	<u>5.012.591.728</u>	<u>2.246.330.000</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tiền lương, phụ cấp	266.907.085
Cộng	<u>266.907.085</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**03. Thay đổi chính sách kế toán*****Điều chỉnh hồi tố***

Thu nhập khác và chi phí khác đối với giao dịch thanh lý, nhượng bán TSCĐ, thì số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ cao hơn hoặc thấp hơn giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý theo quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Số liệu điều chỉnh lại cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Số điều chỉnh	Đơn vị tính: VND Số liệu sau điều chỉnh
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
Thu nhập khác	31	9.889.053.145	(8.214.260.893)	1.674.792.252
Chi phí khác	32	8.247.435.364	(8.214.260.893)	33.174.471
Lợi nhuận khác	40	1.641.617.781	-	1.641.617.781

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: bán buôn hạt cà phê;
- Lĩnh vực sản xuất: nuôi trồng thủy sản;
- Lĩnh vực dịch vụ: cung cấp dịch vụ chăm sóc cây xanh;
- Lĩnh vực xây dựng: thi công công trình xây dựng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Thương mại	Sản xuất	Dịch vụ	Xây dựng	Cộng
Năm nay					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	24.260.842.727	2.901.688.600	181.818.184	372.272.727	27.716.622.238
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	22.612.085.445	2.147.859.641	69.523.186	297.366.838	25.126.835.110
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	1.648.757.282	753.828.959	112.294.998	74.905.889	2.589.787.128
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	529.169.178	63.290.636	3.965.756	8.119.885	604.545.455
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	649.047.539	77.628.542	4.864.161	9.959.370	741.499.611
Số dư tại ngày 31/12/2016					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	70.349.952.880	8.414.120.589	527.224.088	1.079.491.306	80.370.788.863
- Tài sản không phân bổ					11.262.650.128
Tổng tài sản	70.349.952.880	8.414.120.589	527.224.088	1.079.491.306	91.633.438.991
- Nợ phải trả bộ phận	12.208.650.758	1.460.200.832	91.495.367	187.336.762	13.947.683.719
- Nợ phải trả không phân bổ					-
Tổng nợ phải trả	12.208.650.758	1.460.200.832	91.495.367	187.336.762	13.947.683.719

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.790.330.128	-	467.667.930	-	1.790.330.128	467.667.930
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.695.670.279	-	45.289.945.828	-	19.695.670.279	45.289.945.828
Phải thu về cho vay	9.472.320.000	-	6.400.000.000	-	9.472.320.000	6.400.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	30.958.320.407	-	52.157.613.758	-	30.958.320.407	52.157.613.758

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	8.730.688.070	25.920.524.820	8.730.688.070	25.920.524.820
Vay và nợ	3.889.500.000	-	3.889.500.000	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	51.240.619	500.000.000	51.240.619	500.000.000
Cộng	12.671.428.689	26.420.524.820	12.671.428.689	26.420.524.820

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**06. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các cá nhân vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	8.730.688.070	-	-	8.730.688.070
Vay và nợ	3.537.840.000	351.660.000	-	3.889.500.000
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	51.240.619	-	-	51.240.619
Cộng	12.319.768.689	351.660.000	-	12.671.428.689
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	25.920.524.820	-	-	25.920.524.820
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	500.000.000	-	-	500.000.000
Cộng	26.420.524.820	-	-	26.420.524.820

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và cho vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K. Trong đó, một số nội dung được trình bày lại cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và thông tư 202/2014/TT0BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (xem thuyết minh VIII.03).

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Huyền Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Đồng Minh

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2017

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Sơn